

CHUYÊN MỤC

VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

NAM PHONG TẠP CHÍ VỚI VIỆC BẢO TỒN DI SẢN THƠ CHỮ HÁN THỜI LÝ - TRẦN

NGUYỄN CÔNG LÝ*

Trên cơ sở giới thiệu tôn chỉ mục đích của Nam Phong tạp chí, giới thiệu vài nét về dịch giả Đinh Văn Cháp cùng những bài thơ đời Lý và Trần ông đã dịch và đăng trên tờ tạp chí này, bài viết nêu lên vai trò, đóng góp của Nam Phong tạp chí trong việc bảo tồn những giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc nói chung, di sản thơ văn chữ Hán thời Lý - Trần nói riêng cùng ảnh hưởng của tạp chí đối với nền Quốc văn mới.

Từ khóa: Nam Phong tạp chí, Dịch giả Đinh Văn Cháp, Bảo tồn di sản thơ văn Hán Nôm, Thời đại Lý - Trần

Nhận bài ngày: 10/7/2017; đưa vào biên tập: 15/7/2017; phản biện: 8/8/2017; duyệt đăng: 4/9/2017

Từ những năm cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, đất nước ta chuyển mình bước sang thời kỳ hiện đại hóa, trong đó có hiện đại hóa văn học. Nếu trong vài thập niên cuối thế kỷ XIX, ở Sài Gòn - Gia Định đã xuất bản những tờ báo Quốc ngữ, mà tờ *Gia Định báo* do cụ Pétrus Trương Vĩnh Ký làm Chủ bút là tờ báo Quốc ngữ đầu tiên ở nước ta (số đầu ra ngày 15/4/1865), thì cùng với báo chí Quốc ngữ, nền

văn học viết bằng tiếng Việt với chữ Quốc ngữ bắt đầu ra đời. Từ đó sang ba mươi năm đầu thế kỷ XX, quá trình hiện đại hóa văn học này đã hình thành với diện mạo đầy đủ của nó. Bây giờ, chính báo chí Quốc ngữ là 'bà đỡ' tích cực cho văn học, giúp văn học hiện đại phát triển mà công đầu phải kể đến là tờ *Đông Dương tạp chí* (do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút) và đặc biệt là tờ *Nam Phong tạp chí*.

1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ NAM PHONG TẠP CHÍ

Nam Phong tạp chí là một tờ nguyệt san xuất bản tại Hà Nội, số đầu tiên ra

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

ngày 01/7/1917, số cuối cùng in vào tháng 12/1934. *Nam Phong tạp chí* tồn tại được 17 năm, ra được 210 số thì đình bản. Tạp chí do Phạm Quỳnh làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút. Đây là một trong vài tạp chí Việt Nam đầu tiên thực hiện đúng thể thức, bài bản, quy cách và có giá trị về tri thức, học thuật. Ban đầu trụ sở tòa soạn đặt tại số 1 phố Hàng Trống, Hà Nội (cũng là nhà của Phạm Quỳnh), đến năm 1926 thì chuyển về số 5 phố Hàng Da, Hà Nội.

Theo chủ trương ban đầu, các bài viết đăng trên mỗi số tạp chí có hai dạng văn tự: chữ Quốc ngữ và chữ Hán, về sau có thêm Pháp văn. Đây là một cách dung hòa của người Việt trong quá trình hội nhập văn hóa Á - Âu lúc bấy giờ, như lời tạp chí đã kính cáo bạn đọc trong số đầu tiên ra ngày ra ngày 01/7/1917; phần chữ Quốc ngữ do Phạm Quỳnh làm Chủ biên và phần chữ Hán do Nguyễn Bá Trác làm Chủ biên.

Việc cho ra đời *Nam Phong tạp chí* là chủ trương của chính phủ Liên bang Đông Dương do quan Toàn quyền Albert Sarraut đề xướng với mục tiêu đẩy mạnh vai trò văn hóa và chính trị của nhà nước Bảo hộ. Kinh phí của tạp chí là do chính phủ trang trải.

Trên cơ sở tôn chỉ, như tên gọi Nam Phong của tạp chí, tức muốn thổi luồng gió học thuật mới đến nước Nam, tạp chí hướng đến mấy mục đích chính sau:

- Dùng chữ Quốc ngữ để diễn tả, giải thích các tư tưởng, học thuật Âu - Á để mang những kiến thức này đến

cho người không biết tiếng Pháp hoặc chữ Hán (chữ Nho).

- Truyền bá chữ Quốc ngữ, nâng cao trình độ chữ Quốc ngữ thành một nền ngôn ngữ so sánh được với tiếng Pháp và chữ Hán.

Để thực hiện mục đích trên, Ban biên tập tạp chí *Nam Phong* đã cho đăng tải các bài viết thuộc các lĩnh vực như:

+ Khảo cứu về triết học, khoa học, văn chương, lịch sử của Á Đông và Âu Tây.

+ Những sáng tác đương đại: truyện ngắn, du ký, tùy bút...

+ Dịch các tác phẩm triết học, văn học từ tiếng Pháp hoặc chữ Hán sang Quốc ngữ.

+ Sưu tầm và dịch thuật, phiên âm thơ văn cổ Hán Nôm của nước nhà sang Quốc ngữ.

+ In lại các sách cũ của cha ông, như bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* chẳng hạn.

Trong 17 năm tồn tại, tạp chí đã được nhiều cây bút là học giả, nhà thơ, nhà văn nổi tiếng đương thời cộng tác, như Đông Hồ Lâm Tấn Phát, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Bá Trác, Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Trọng Thuật, Phạm Duy Tốn, Lê Thần Trần Trọng Kim, Tương Phố, Tản Đà, Dương Bá Trạc, Dương Quảng Hàm, Nam Trân, Đạm Phương... Nhờ thế mà tạp chí có tiếng vang và được nhiều thế hệ trí thức tìm đọc vì chất lượng và giá trị khoa học của các bài được công bố trên tạp chí này.

2. DI SẢN THƠ CHỮ HÁN THỜI LÝ - TRẦN TRÊN NAM PHONG TẠP CHÍ

2.1. Như trên có nêu, bên cạnh đăng các bài viết bằng chữ Quốc ngữ thì tạp chí còn có phần chữ Hán, đó là những bài khảo cứu về triết học, văn chương, lịch sử của Á Đông; những bài dịch các tác phẩm triết học, văn học từ chữ Hán sang Quốc ngữ; những bài sưu tầm dịch thuật, phiên âm thơ văn Hán Nôm của cha ông sang chữ Quốc ngữ. Trong 17 năm tồn tại với 210 số tạp chí dày dặn về dung lượng số trang khổ lớn, tạp chí đã giới thiệu rất nhiều di sản văn hóa Hán Nôm quý giá thuộc nhiều chuyên ngành của khoa học xã hội nhân văn. Ở đây, bài viết này chỉ dừng lại trình bày một lĩnh vực rất nhỏ là di sản thơ thời Lý - Trần được cụ Hoàng giáp Đinh Văn Cháp dịch sang Quốc ngữ đăng trên tạp chí này.

Dịch giả Đinh Văn Cháp (1893-?) người xã Kim Khê, tổng Kim Nguyên, huyện Chân Lộc (Nghị Lộc), phủ Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (nay là xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An). Ông xuất thân trong một gia đình khoa bảng danh gia vọng tộc. Cao tổ, nội tổ, thân phụ, bản thân ông và sau này con của ông đều đỗ Tiến sĩ.

Bản thân cụ Đinh Văn Cháp thi đỗ Cử nhân khoa Nhâm Tý (1912), đỗ Đề nghị giáp Tiến sĩ (Hoàng giáp) khoa Quý Sửu (1913), niên hiệu Duy Tân thứ 7, khi mới 21 tuổi, từng giữ chức Đốc học⁽¹⁾ tỉnh Quảng Nam, sau đó từ quan về nhà dạy học, viết sách, viết báo, dịch thuật.

Thân phụ của ông là Đinh Văn Chát (1843-1887), đỗ Tiến sĩ khoa Ất Hợi

(1875) dưới triều Tự Đức, lúc 32 tuổi, làm quan Tri phủ ở Nghĩa Hưng, được triều đình gia phong Triều liệt Đại phu Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, khi Pháp đánh vào cửa Hội - Nghệ An, cụ Đinh Văn Chát bỏ chức quan để lãnh đạo nhân dân kháng Pháp. Cụ hy sinh tháng 8/1887 (bị thực dân Pháp chặt đầu bêu xác) và bị triều đình nhà Nguyễn hạch tội xóa tên trong bia Tiến sĩ tại Văn miếu Huế.

Người con cả của cụ Hoàng giáp Đinh Văn Cháp là Đinh Văn Nam (1918-2012), tức Hòa thượng Thích Minh Châu, du học tại Ấn Độ từ năm 1958, Giáo sư Tiến sĩ, trước 1975 là Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh (Sài Gòn); sau 1975 là Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, ông còn giữ nhiều chức vụ khác trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Châu Á. Hòa thượng là một học giả và là một dịch giả với nhiều công trình nghiên cứu, phiên dịch kinh Tạng Pàli có giá trị học thuật cao.

Truy tìm gia phả như trên để khẳng định dòng tộc họ Đinh ở xứ Nghệ là một dòng tộc có truyền thống giáo dục khoa bảng, một dòng họ danh gia vọng tộc, mà các thế hệ ông cha con cháu của gia đình cụ Hoàng giáp là minh chứng điển hình.

2.2. Hoàng giáp Đinh Văn Cháp đã dịch thơ đời Lý và đời Trần đăng trên *Nam Phong tạp chí* trong 3 số liên: 114, 115, 116 của tập XX, tháng 2, tháng 3, tháng 4 năm 1927, với 123 đầu bài, trong đó có một số đầu bài có 2 kỳ, nên số lượng thơ dịch lên đến

126 bài, của 43 tác giả. Trong đó, được tuyển dịch 1 bài có 19 tác giả; được tuyển dịch 2 bài có 9 tác giả; được tuyển dịch 3 bài có 5 tác giả; được tuyển dịch 4 bài có 3 tác giả (Trần Thánh Tông, Nguyễn Sưởng, Nguyễn Phi Khanh); được tuyển dịch 6 bài có 2 tác giả (Trần Nhân Tông, Trần Minh Tông); được tuyển dịch 7 bài có 2 tác giả (Chu An, Huyền Quang); được tuyển dịch 8 bài có 1 tác giả (Trần Nguyên Đán); được tuyển dịch 12 bài có 2 tác giả (Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh).

Với việc cụ Hoàng giáp từ năm 1927 đã dịch 126 bài của 123 đầu đề thơ chữ Hán thời Lý - Trần, có thể thấy lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam, thơ thời Lý - Trần được chuyển ngữ sang tiếng Việt chữ Quốc ngữ, mà công đầu là của cụ Đình Văn Cháp. Việc dịch này vài chục năm sau mới được tiếp nối bởi Ngô Tất Tố trong hai công trình *Văn học đời Lý* (1942) và *Văn học đời Trần* (1942); bởi Nguyễn Đồng Chi trong *Việt Nam cổ văn học sử* (1942) và Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam văn học sử yếu* (1941), *Việt Nam thi văn trích giảng* (1943). Các bài thơ được cụ Hoàng giáp dịch như sau (tên tác giả và nhan đề bài thơ Việt dịch được ghi dưới đây là của cụ Hoàng giáp, người viết bài này chỉ bổ sung thêm phiên âm nguyên tác nhan đề bài kèm sau tên tác giả, dùng chữ nghiêng):

Số 114 dịch 55 đầu bài, từ trang 146 đến trang 157 của tạp chí.

- Thơ đời Lý: Khen Tỳ-ni-đa-lưu-chi (Thái

Tôn - *Tán Tỳ-ni-đa-lưu-chi*), Tặng Vạn Hạnh (Nhân Tôn - *Tặng Vạn Hạnh*), Viếng sư Quảng Trí (Đoàn Văn Khâm - *Văn Quảng Trí thiền sư*), Bảo đệ tử (không ghi tác giả⁽²⁾ - *Thị đệ tử*), Cảm hoài (Không Lộ - *Ngôn hoài*), Cáo tật bảo chúng (Mãn Giác, *Cáo tật thị chúng*), Thị tịch (không ghi tác giả⁽³⁾ - *Thị tịch*).

- Thơ đời Trần: Vua Thái Tôn gọi cho sư Đức Sơn am Thanh Phong (Thái Tôn - *Ký Thanh Phong am tăng Đức Sơn*), Chơi phủ An Bang (không ghi tác giả - *Hạnh An Bang phủ*), Cảnh ngày hè (không ghi tác giả - *Hạ cảnh*), Viếng quan Thái sư Trần Trọng Trung (không ghi tác giả⁽⁴⁾ - *Văn Trần Trọng Trung*), Ngày xuân yết Chiêu Lăng (Nhân Tôn - *Xuân nhật yết Chiêu Lăng*), Cuối xuân (Nhân Tôn - *Xuân vãn*), Trăng (Nhân Tôn - *Nguyệt*), Cảnh chiều phủ Thiên Trường (Nhân Tôn - *Thiên Trường vãn vọng*), Lên núi Bảo Đài (Nhân Tôn - *Đăng Bảo Đài sơn*), Phủ Thiên Trường (Nhân Tôn - *Thiên Trường phủ*), Ngự chơi hành cung Thiên Trường (Nhân Tôn⁽⁵⁾ - *Hạnh Thiên Trường hành cung*), Am Vân Tiêu (Anh Tông - *Vân Tiêu am*), Viếng sư Pháp Loa đề ở chùa Thanh Mai (Anh Tông - *Văn Pháp Loa tôn giả đề Thanh Mai tự*), Đánh Chiêm Thành về đò thuyền ở cửa Phúc Thành (Anh Tông - *Chinh Chiêm Thành hoàn chu bạc Phúc Thành cảng*), Mưa đêm (Minh Tôn - *Dạ vũ*), Chùa Cam Lộ (Minh Tôn - *Cam Lộ tự*), Tháng 11 qua bạc Vịnh Sơn (Minh Tôn - *Thập nhất nguyệt quá bạc Vịnh Sơn hiểu trú*), Tiễn sứ Tầu Tản Chỉ

Ngõa, Triệu Tử Kỳ⁽⁶⁾ (Minh Tôn – *Tổng Bắc sứ Tản Chi Ngõa, Triệu Tử Kỳ*), Sông Bạch Đằng (Minh Tôn – *Bạch Đằng giang*), Nhà ẩn (Minh Tôn – *Nguyệt ánh sơn hàn đường*), Tiến sứ Tàu Ngưu Lợng (Nghệ Tôn – *Tổng Bắc sứ Ngưu Lợng*), Lánh ra ở trấn Gia Hưng gởi cho em là Cung Tuyên vương Kinh (Nghệ Tôn – *Thời cư Gia Hưng trấn ký đệ Cung Tuyên vương Kinh*), Đề nhà thờ quan Tư đồ Trần Nguyên Đán (Nghệ Tôn – *Đề Tư đồ Trần Nguyên Đán từ đường*), Theo vua về kinh sư (Trần Quang Khải – *Tụng giá hoàn kinh sư*), Vườn Phúc Hưng (Trần Quang Khải – *Phúc Hưng viên*), Bến Lưu Gia (Trần Quang Khải – *Lưu Gia độ*), Thuật hoài (Phạm Ngũ Lão – *Thuật hoài*), Ở bên sông trông cảnh thu (Bùi Tôn Quán⁽⁷⁾ – *Giang thôn thu vọng*), Cảnh chiều (Mạc Đĩnh Chi – *Vãn cảnh*), Đi buổi sớm (Mạc Đĩnh Chi – *Tảo hành*), Qua huyện Bành Trạch bên Tàu (Bùi Mộ – *Quá Bành Trạch*), Chùa Gia Lâm (Trần Quang Triều – *Gia Lâm tự*), Uống rượu một mình khi trong thuyền (Trần Quang Triều – *Chu trung độc chước*), Đi nơi sông (Nguyễn Sưởng – *Giang hành*), Tiến Đỗ Ân Cơ Tử qua Chí Linh (Nguyễn Sưởng – *Tiến Đỗ Ân Cơ Tử quá Chí Linh*), Chùa Vạn Phúc núi Tiên Du (Nguyễn Sưởng – *Tiên Du sơn Vạn Phúc tự*), Đi thuyền (Nguyễn Sưởng – *Chu trung tức sự*), Thay người tạ vua ban cho tranh rồng đen (Nguyễn Ước – *Đại tạ ngự tứ mặc họa long*), Đề tranh hạc vừa đi vừa ngảnh lại (Nguyễn Ước – *Đề “Cổ bộ hạc đồ”*), Họa nguyên vận (Nguyễn Ước – *Khách*

xá họa hữu nhân vận), Qua đò Việt Tĩnh (Đỗ Tử Vi – *Quá Việt Tĩnh cương*), Đề chướng [trướng - NCL chú] vẽ thủy mặc (Phạm Tôn Mại – *Nhân cư lục ngôn đề thủy mặc trướng tử tiểu cảnh*), Họa bài đề nhà người ẩn sĩ (Phạm Tôn Mại – *Đề ẩn giả sở cư họa vận*), Chiều xuân vãn cảnh (Nguyễn Tử Thành – *Xuân giao vãn hành*), Lưu giã cho Phạm Kính Khê (Nguyễn Tử Thành – *Giã Kính Khê Phạm Tông Mại*), Sang sứ Tàu mới qua Lư Giang (Nguyễn Trung Ngạn – *Bắc sứ sơ phát Lư Giang*), Sông Tương cảm hoài (Nguyễn Trung Ngạn – *Tương Giang thu hoài*).

Số 115 dịch 30 đầu bài, từ trang 238 đến trang 244 của tạp chí (tiếp tục dịch thơ đời Trần): Tới trạm Ngân Giang châu Vân (Nguyễn Trung Ngạn – *Vân châu Ngân Giang dịch*), Lên lầu thành Châu Dương (Nguyễn Trung Ngạn – *Đăng Dương Châu thành lâu*), Hứng muốn về (Nguyễn Trung Ngạn – *Quy hứng*), Động Vũ Doanh (Nguyễn Trung Ngạn – *Vũ Doanh động*), Mới ở trại Vĩnh Bình ra (Nguyễn Trung Ngạn – *Vĩnh Bình sơ phát trại*), Hồ Nam (Nguyễn Trung Ngạn – *Hồ Nam*), Chơi chùa Nhạc Lộ (Nguyễn Trung Ngạn – *Du Nhạc Lộ tự*), Lầu Nhạc Dương (Nguyễn Trung Ngạn – *Nhạc Dương lâu*), Đỗ thuyền bến Thần Đầu ban hôm (Nguyễn Trung Ngạn – *Thần Đầu cảng khẩu dạ bạc*), Gởi cho bạn đồng chí (Nguyễn Trung Ngạn – *Lãng Thành xuân vãn vấn chư đồng chí*), Chơi động Phù Thạch (Phạm Ngộ – *Du Phù Thạch nham tiên tổ tu hành*

chi địa chu trung tác), Đêm thu (Phạm Ngộ – *Thu dạ tức sự*), Đề tranh tắm ngựa của Đường Minh Hoàng (Chu Đường Anh – *Đề Đường Minh Hoàng dục mã đồ*), Vịnh hoa cúc (dịch 2 bài) (Trương Hán Siêu – *Cúc hoa bách vịnh*), Đề núi Dục Thúy (Trương Hán Siêu – *Dục Thúy sơn*), Núi Linh Sơn (Chu An – *Linh Sơn tạp hứng*), Sông Thanh Lương (Chu An – *Thanh Lương giang*), Qua đặng [rặng-NCL chú] thông núi Tiên Du ban chiều (Chu An – *Nguyệt tịch bộ Tiên Du sơn tùng kính*), Giang đình tác (Chu An – *Giang đình tác*), Ao ba ba (Chu An – *Ba tri*), Đầu mùa hè (Chu An – *Sơ hạ*), Mồng một Tết (Chu An – *Xuân đán*), Tiễn ông Phạm Sư Mạnh đi sứ Tàu (Lê Quát – *Tống Phạm công Sư Mạnh Bắc sứ*), Tả tình (2 bài) (Lê Quát – *Thư hoài*), Qua sông Tiêu Tương (Phạm Sư Mạnh – *Quá Tiêu Tương*), Chùa Đông Sơn (Phạm Sư Mạnh – *Đông Sơn tự hồ thượng lâu*), Đề chùa Cam Lộ (Phạm Sư Mạnh – *Đề Cam Lộ tự*), Ngồi thuyền tức sự (Phạm Sư Mạnh – *Chu trung tức sự*), Qua mộ Nguyễn Sĩ Cố (Phạm Sư Mạnh – *Quá An Phủ Nguyễn Sĩ Cố phần*), Đề núi Dục Thúy (Phạm Sư Mạnh – *Đăng Dục Thúy sơn lưu đề*).

Số 116 dịch 38 đầu bài, từ trang 340 đến trang 347 của tạp chí (tiếp tục dịch thơ đời Trần, dịch thơ đời Hồ và Hậu Trần): Động Chi Lăng (Phạm Sư Mạnh – *Chi Lăng động*), Họa thơ quan sứ nhà Minh (Phạm Sư Mạnh – *Họa đại Minh sứ Dư Quĩ*), Họa thơ sứ Tàu đề trạm Nhĩ Hà (Phạm Sư Mạnh – *Họa đại Minh sứ đề Nhĩ Hà dịch*), Tức

sự khi hộ giá ở Thiên Trường (Phạm Sư Mạnh – *Hồ giá Thiên Trường thư sự*), Ngày xuân hứng chế (Phạm Sư Mạnh – *Xuân nhật ứng chế*), Đề núi Thiên Kỳ (Phạm Sư Mạnh – *Đăng Thiên Kỳ sơn lưu đề*), Đề quán Huyền Thiên (Trần Nguyên Đán – *Đề Huyền Thiên quán*), Tháng sáu năm Nhâm Dần (Trần Nguyên Đán – *Nhâm Dần lục nguyệt tác*), Đi thuyền về đêm (Trần Nguyên Đán – *Dạ quy chu trung tác*), Chặng ngủ (Trần Nguyên Đán – *Bất my*), Mừng ông Chu Văn An (Trần Nguyên Đán – *Hạ Tiểu Ấn Chu tiên sinh báí Quốc Tử Giám Tư nghiệp*), Họa bài ứng chế cung Trùng Quang phủ Thiên Trường (Trần Nguyên Đán – *Phụng canh Thái thượng hoàng ngự chế đề Trùng Quang cung*), Cảm tình về mùa thu (Trần Nguyên Đán – *Thu nhật*), Chơi núi (Trần Nguyên Đán – *Sơn trung khiển hứng*), Phụng Bắc sứ (Phạm Nhân Khanh – *Phụng Bắc sứ cung ngô Hy Lăng Đại tường nhật hữu cảm*), Mồng 7 tháng 7 (Phạm Nhân Khanh – *Thất tịch*), Chử nhạn (Phạm Nhân Khanh – *Nhạn tự*), Đề tranh thu giang tống biệt (Trần Đình Thâm – *Đề thu giang tống biệt đồ*), Sứ Tàu đề trạm Quế Lâm (2 bài), (Vô danh – *Bắc sứ đề Quế Lâm dịch*), Bảo sự chết (Pháp Loa – *Thị tịch*), Hoa cúc (Huyền Quang – *Cúc hoa*), Trong thuyền (Huyền Quang – *Chu trung*), Thạch thất (Huyền Quang – *Thạch thất*), Nhà ở núi (Huyền Quang – *Sơn vũ*), Chơi thuyền (Huyền Quang – *Phiếm chu*), Tặng đệ tử làm quan (Huyền Quang – *Tặng sĩ đồ tử đệ*), Am núi An Tử (Huyền Quang – *Yên Tử sơn am cư*).

Thơ đời Nhuận Hồ: Chơi Đông Đình (Hồ Tông Thốc – *Du Đông Đình*), Chuông sớm ở thành Hóa (Nguyễn Phi Khanh – *Hóa thành thần chung*), Sông Hoàng Giang đêm mưa (Nguyễn Phi Khanh – *Hoàng giang dạ vũ*), Xem trăng trung thu có cảm (Nguyễn Phi Khanh – *Trung thu ngoạn nguyệt hữu hoài*), Vui vườn nhà (Nguyễn Phi Khanh – *Gia viên lạc*), Qua ải Hàm Tử (Trần Lâu – *Quá Hàm Tử quan*), Đáp lời Lý Hạ Trai tới thăm (Phạm Nhữ Dực – *Lý Hạ Trai lai phỏng, phù thủ vận dĩ đáp*), Ngày Tết (Lê Cảnh Tuân – *Nguyên đán*), Vô ý (Lê Cảnh Tuân – *Vô ý*).

Thơ đời Hậu Trần: Cảm hoài (Đặng Dung – *Cảm hoài*).

Qua việc đọc lại trên 120 bài thơ chữ Hán thời Lý - Trần đã được cụ Hoàng giáp Việt dịch và công bố trên Nam Phong tạp chí, có thể thấy:

- Tất cả những bài thơ chữ Hán thời Lý - Trần được cụ Hoàng giáp chọn dịch, khi đăng trên *Nam Phong tạp chí* chỉ có in lại nguyên tác chữ Hán, tiếp theo là dịch thơ sang Quốc ngữ, chứ không có phiên âm nguyên tác, và cũng không có khảo dị cùng chú thích.

- Những bản dịch thơ này của cụ Hoàng giáp đăng trên *Nam Phong tạp chí*, sau này đã được các nhà nghiên cứu trích dẫn trong các công trình của mình như *Việt Nam văn học sử yếu* (1941) của Dương Quảng Hàm; *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập 2, Tủ sách Đại học Sư phạm (1962), Bùi Văn Nguyên chủ biên; *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII*

(1989), Bùi Văn Nguyên chủ biên; *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII*, 2 tập (1977, 1978), Đinh Gia Khánh chủ biên; *Thơ văn Lý - Trần*, 3 tập (1977, 1979, 1988) của Viện Văn học biên soạn... Tất cả cho thấy giá trị bản Việt dịch của cụ Hoàng giáp. Xin đọc lại một số bài thơ dịch tài hoa của cụ Hoàng giáp được nhiều bộ hợp tuyển dẫn lại, chẳng hạn như:

Hạ cảnh (Trần Thánh Tông)

*Yếu điệu hoa đường trú ảnh trường,
Hà hoa xuy khởi bắc long lương.
Viên lâm vũ quá lục thành ác,
Tam lưỡng thiên thanh não tịch dương.*

Cụ Hoàng giáp Đinh Văn Cháp dịch:

Cảnh ngày hè

*Bóng ác ngày dài dải gác hoa,
Nhi sen đưa mát trước song qua.
Sau mưa cây cỏ buông màn biếc,
Vài tiếng ve kêu rộn bóng tà.*

(*Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, quyển thượng, trích lại trang 404).

Chu trung độc chước (Trần Quang Triều)

*Thu mẫn sơn thành hội tịch liêu,
Gia thư bắt đáo hải thiên diêu.
Nhân tình sơ mật xao bông vũ,
Thế thái cao đê phách ngạn triều.
Tùng cúc cổ giao ta dị lộ,
Cầm thư tuế vãn hỷ đồng điều.
Kỷ đa lỗi khói hung trung sự,
Thả hướng tôn tiên thi nhất kiêu.*

Cụ Hoàng giáp Đinh Văn Cháp dịch:

Uống rượu một mình khi trong thuyền

*Màu thu hiu hắt khắp non thành,
Trời bể tin nhà đợi vắng tanh.
Nết ở nhật thừa mưa trước mái,
Mùi đời cao thấp sóng đầu ghềnh.*

*Bạn xưa từng cúc chia đôi ngã,
Tuổi tác đàn thơ hợp với mình.
Trong dạ ngổn ngang nào tả xiết,
Hỡi nâng chén rượu dốc lưng bình.*

(*Thơ văn Lý – Trần*, tập 2, quyền thượng, trích lại trang 622).

Chu trung (Huyền Quang)

*Nhất diệp biển chu hồ hải khách,
Xanh xuất vi hàng phong thích thích.
Vi mang tứ cổ văn triều sinh,
Giang thủy liên thiên nhất âu bạch.*

Cụ Hoàng giáp Đinh Văn Cháp dịch đúng theo luật trắc vần trắc của nguyên tác:

Trong thuyền

*Dấu khách giang hồ thuyền một lá,
Hàng lau lách gió chèo thông thả.
Bốn bề trông quạnh ngọn triều lên,
Nước biếc liên trời âu trắng xóa.*

(*Thơ văn Lý – Trần*, tập 2, quyền thượng, trích lại trang 685).

...

- Bên cạnh đó, có một số nhan đề của các bài thơ được dịch nếu so với nguyên tác thì có thể nhận thấy cụ Hoàng giáp dịch rất thoát, rất thông thoáng chứ không dịch sát nghĩa, bởi có lẽ theo cụ khi dịch chỉ cần thể hiện cái hồn cốt của nhan đề và nội dung bài thơ chứ không câu nệ vào từng nghĩa của chữ. Vì thế đôi lúc chưa rõ nội dung chủ đề. Ví dụ: Bài *Tương Giang thu hoài* của Nguyễn Trung Ngạn được dịch là “Sông Tương cảm hoài”; bài *Khách xá họa hữu nhân vận* của Nguyễn Úc được cụ dịch là “Họa nguyên vận”, mà nên dịch là “Nơi quán khách họa thơ bạn”; bài *Du Phù Thạch nam tiên tổ tu hành chi địa*

chu trung tác của Phạm Ngộ được cụ dịch là “Chơi động Phù Thạch”, mà nên dịch là “Cảm tác lúc đi thuyền dạo chơi ở động Phù Thạch là nơi tổ tiên tu hành”; bài *Thu dạ tức sự* của Phạm Ngộ chỉ được dịch gọn là “Đêm thu”; bài *Nguyệt Áng sơn hàn đường* của Trần Minh Tông được cụ dịch gọn là “Nhà ẩn”, đúng ra phải dịch là “Nhà hàn đường ở núi Nguyệt Áng”; bài *Nguyệt tịch bộ Tiên Du sơn tùng kính* của Chu An được cụ dịch là “Qua dựng [rặng – NCL] thông núi Tiên Du ban chiều”, mà cần phải dịch là “Đêm trăng dạo bước trên đường thông ở núi Tiên Du”, bài *Xuân giao văn hành* của Nguyễn Tử Thành được cụ dịch là “Chiều xuân văn cảnh”, mà nên dịch là “Chiều xuân dạo chơi vùng ngoại ô”, bài *Nhàn cư lục ngôn đề thủy mặc trướng tử tiểu cảnh* của Phạm Tông Mại được cụ dịch là “Đề chướng [trướng – NCL] vẽ thủy mặc”, mà nên dịch là “Nhân lúc nhàn rồi dùng thơ sáu chữ đề vào bức tranh nhỏ trên tấm trướng vẽ bằng mực Tàu”, bài *Đông Sơn tự hồ thượng lâu* của Phạm Sư Mạnh được cụ dịch gọn là “Chùa Đông Sơn” thì chưa rõ ý, mà nên dịch là “Lầu trên hồ chùa Đông Sơn”, bài *Xuân nhật ứng chế* của Phạm Sư Mạnh được cụ dịch là “Ngày xuân hứng chế” thì chưa rõ mà cần phải dịch là “Ngày xuân họa thơ vua”; bài *Hạ Tiểu Ẩn Chu tiên sinh bá Quốc tử giám Tư nghiệp* của Trần Nguyên Đán được cụ dịch gọn là “Mừng ông Chu Văn An”, mà nên dịch là “Mừng ông Tiểu Ẩn Chu Văn An được bổ chức Tư nghiệp ở Quốc tử giám” thì mới rõ

hơn; bài *Phụng Bắc sứ cung ngộ Hy Lăng Đại tường nhật hữu cảm* của Phạm Nhân Khanh được cụ dịch rất gọn là “Phụng Bắc sứ”, nên dịch lại là “Phụng mệnh đi sứ phương Bắc cảm xúc nhân gặp ngày Đại tường của Hy Lăng”, và còn nhiều nữa... Cũng có khi cụ giữ nguyên đầu đề không dịch, ví dụ như bài *Thạch thất* của thiền sư Huyền Quang; bài *Vô ý* của Lê Cảnh Tuân...

2.3. Về vai trò, đóng góp và ảnh hưởng của *Nam Phong tạp chí* trong việc bảo tồn những di sản văn hóa, văn học của dân tộc, có thể thấy *Nam Phong* mỗi tháng ra một kỳ, khổ lớn, dung lượng số trang dày dặn có đến hơn trăm, có khi vài ba trăm trang cho mỗi số, có sức mạnh cạnh tranh với các báo và tạp chí khác cùng thời.

Riêng về di sản Hán Nôm được đăng tải trên tạp chí, có thể thấy không chỉ trong lĩnh vực nghiên cứu Văn học, mà nhiều lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn khác như Sử học, Triết học, Dân tộc học, Xã hội học... đều có thể khai thác ở 210 số tạp chí những tư liệu và thông tin cần thiết khi tìm hiểu về di sản Hán Nôm được công bố trên tạp chí này.

Theo thống kê và phân loại của Phòng Thông tin - Tư liệu - Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (biên soạn), *Thư mục các bài viết trên tạp chí Nam Phong có liên quan đến tác giả, tác phẩm Hán Nôm*, Hà Nội, 1989 và theo thống kê của Chu Tuyết Lan trong bài viết *Những đóng góp của mảng tư liệu Hán Nôm trên tạp chí Nam Phong*

đăng trên *Tạp chí Hán Nôm* số 1/1992, thì mảng tư liệu Hán Nôm công bố trên Tạp chí này có đến 726 đơn vị thư mục, cụ thể là: 399 đơn vị giới thiệu các bài sưu tầm, dịch thơ văn cổ; 33 đơn vị giới thiệu các bài nghiên cứu văn học; 168 đơn vị giới thiệu các bài nghiên cứu về lịch sử hoặc tư liệu về lịch sử; 119 đơn vị giới thiệu các sáng tác thơ văn đương thời (1917-1934); 7 đơn vị giới thiệu các văn bản chính trị đương thời (1917-1934)⁽⁸⁾. Nhưng theo thiện ý của tôi, con số thống kê như trên là chưa chuẩn xác, bởi lẽ, không thể kể 119 đơn vị thư mục giới thiệu các sáng tác thơ văn đương thời đăng trên tạp chí này (1917-1934) để xếp vào di sản Hán Nôm được. Như vậy, nếu trừ con số này ra thì những lĩnh vực thuộc di sản Hán Nôm của cha ông được giới thiệu trên tạp chí này là $726 - 119 = 607$ đơn vị thư mục, tức 607 bài viết.

Với 399 bài sưu tầm thơ văn cổ điển Việt Nam qua các bản dịch, có thể thấy hầu hết các tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam đã được giới thiệu trên tạp chí, như: Vạn Hạnh, Mãn Giác, Không Lộ, Lý Thái Tông, Lý Anh Tông, Trần Quang Khải, Trần Quốc Tuấn, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông, Trần Minh Tông, Trần Nghệ Tông, Nguyễn Trung Ngạn, Chu An, Mạc Đĩnh Chi, Trương Hán Siêu, Nguyễn Phi Khanh, Đặng Dung, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Hữu Trác, Phạm Thái, Nguyễn Du, Lê Quý Đôn, Cao Bá Quát,

Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Thông...⁽⁹⁾.

Về lịch sử dân tộc, theo thống kê có 168 thư mục. Trong đó có những bài về nghiên cứu lịch sử nước ta từ thời kỳ Đông Sơn đến thời kỳ Bắc thuộc; nghiên cứu về các triều đại lịch sử của dân tộc như nhà Lê, nhà Tây Sơn, nhà Nguyễn; nghiên cứu về các nhân vật lịch sử như Ngô Quyền, Lý Nhân Tông, Chu Văn An, Mạc Đĩnh Chi, Hồ Quý Ly, Nguyễn Trãi, Nguyễn Xí, Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Huệ, Lê Quý Đôn, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Trường Tộ... Một số tư liệu lịch sử quý hiếm cũng được tạp chí cho công bố⁽¹⁰⁾. Tất cả đã giúp cho người đọc, người nghiên cứu hiểu về lịch sử, văn hóa của dân tộc.

Ngoài ra tạp chí *Nam Phong* còn duyệt đăng rất nhiều bài nghiên cứu về những lĩnh vực như giáo dục, khoa cử, hình luật, lễ nghi, tang lễ, y học, nghề đàn, lịch, lãng tử, lễ cúng Trung Quốc, các bộ sử, nhận xét người phương Bắc về người nước ta, lịch sử và phong tục nước ngoài như Ấn Độ, Nhật Bản; về tư tưởng của Phật giáo, tư tưởng Nho giáo, tư tưởng của Khổng Tử, Mạnh Tử, Mặc Tử ở Trung Quốc; những bài so sánh tư tưởng của Khổng Tử với Thích Già (Ca).

3. KẾT LUẬN

Tính từ ngày tạp chí ra mắt công chúng bạn đọc, đến nay đã đúng 100 năm, nhưng những đóng góp của *Nam Phong tạp chí* qua các bài nghiên cứu, dịch thuật giới thiệu di sản Hán

Nôm nói chung, di sản thơ chữ Hán thời Lý - Trần nói riêng vẫn còn có những giá trị riêng của chúng, rất đáng được hậu thế ghi nhận, tôn vinh và tiếp tục tìm hiểu. Những nghiên cứu, dịch thuật được công bố trên tạp chí là nguồn tư liệu quý giá giúp cho các nhà nghiên cứu có thêm cứ liệu để tìm hiểu văn hóa, văn học, lịch sử, ngôn ngữ, xã hội và phong tục nước nhà ở một thời đại đã qua, như tôn chỉ mục đích của tạp chí đã chủ trương.

Riêng với 126 bài thơ chữ Hán thời Lý - Trần được cụ Hoàng giáp Đinh Văn Cháp đã Việt dịch rồi cho công bố trên tạp chí thì rõ ràng rằng *Nam Phong tạp chí* đã đóng vai trò tiên phong trong việc công bố bản dịch thơ thời Lý - Trần sang Quốc ngữ, đồng thời cụ Đinh Văn Cháp là dịch giả có công đầu, là người đầu tiên giới thiệu và chuyển ngữ thơ chữ Hán thời Lý - Trần sang Việt ngữ trong lịch sử văn học Việt Nam.

Bàn về ảnh hưởng của *Nam Phong tạp chí*, người viết bài này rất tán thành với ý kiến, nhận định của học giả Dương Quảng Hàm trong công trình *Việt Nam văn học sử yếu*.

“Tạp chí *Nam Phong* có ảnh hưởng về hai phương diện:

1. Về đường văn tự, tạp chí ấy đã:

a) Sáp nhập vào tiếng ta nhiều danh từ triết học, khoa học mới, mượn ở chữ Nho.

b) Luyện cho tiếng ta có thể diễn dịch được các lý thuyết, các ý tưởng về triết học, khoa học mới.

2. Về đường học vấn, tạp chí đã: (Nho học, Phật học...) và bảo tồn những điều cốt yếu trong văn hóa cũ của nước ta (văn chương, phong tục, lễ nghi)⁽¹⁾. □
- a) Phổ thông những điều yếu lược của học thuật Âu Tây;
- b) Dẫn đạt những điều đại cương trong các học thuyết cũ của Á Đông

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Chức vụ này tương ứng với chức Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo hiện nay là quản lý, trông coi việc học tập, giáo dục trong tỉnh, nhưng khác với hiện nay ở chỗ, ngày xưa quan Đốc học còn phải trực tiếp giảng dạy tại trường Đốc. Về trường công lập trong tỉnh, dưới trường Đốc còn có trường Giáo (trường của các Phủ do quan Giáo thụ đảm nhiệm), trường Huấn (trường của các huyện do quan Huấn đạo đảm nhiệm), tại các tổng, xã, nhiều nơi chính quyền địa phương còn lập nhà xã học mời thầy về dạy học cho con em trong tổng, xã, kinh phí do địa phương lo liệu và trường tư của các thầy đồ mở trong tỉnh. Ngoài việc trực tiếp giảng dạy tại trường Đốc, hàng tháng quan Đốc học còn tổ chức bình văn, tập văn tại trường. Những kỳ bình văn, tập văn này đã quy tụ nhiều học sinh của trường Giáo, trường Huấn và các trường tư đến dự, nhằm mục đích rèn văn, tập viết các thể văn trường thi, nắm thể thức quy chế thi, và hàng năm thường tổ chức kỳ thi Khảo hạch, Khảo khóa để chuẩn bị cho thí sinh đi thi Hương trong tương lai. Việc quan Đốc học tổ chức các kỳ thi Khảo hạch, Khảo khóa nhằm mục đích xét trình độ năng lực của học sinh hàng năm. Những học sinh nào vượt qua kỳ Khảo khóa, thì đủ điều kiện để làm hồ sơ đi thi Hương do triều đình tổ chức (Bộ Lễ đảm nhận) theo từng vùng (thường là 3 năm tổ chức một lần vào các năm Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu). Trong kỳ thi Hương, quan Đốc học phải có nhiệm vụ đến tận cửa trường thi để phát Quyển thi cho các sĩ tử là thí sinh của tỉnh do mình phụ trách, sau khi nghe loa xướng danh gọi các sĩ tử đi vào trường thi cấm lều chống và chuẩn bị các thứ cần thiết để sau đó tiến hành làm bài thi khi có hiệu lệnh của quan trường thi. (Xin xem thêm: Nguyễn Công Lý, *Giáo dục - Khoa cử và quan chế ở Việt Nam thời phong kiến, thời Pháp thuộc*, Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM, 2011. Công trình này được giải thưởng Công bố khoa học xuất sắc của Đại học Quốc gia TP HCM năm 2011).

⁽²⁾ Bài *Thị đệ tử* này là của Vạn Hạnh.

⁽³⁾ Bài *Thị tịch* này là của Ngô Ấn.

⁽⁴⁾ Ba bài không ghi tên tác giả ở trên đều là của Trần Thánh Tông.

⁽⁵⁾ Tác giả bài *Hạnh Thiên Trường hành cung* này chính xác là Trần Thánh Tông mà sách *Thánh đăng lục* đời Trần có chép. Sự nhầm lẫn ghi tác giả của bài thơ là Trần Nhân Tông bắt đầu từ bộ hợp tuyển *Toàn Việt thi lục* của Lê Quý Đôn, đến *Hoàng Việt thi tuyển* của Bùi Huy Bích, rồi đến mục *Văn tịch chí* trong bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú ghi là của Trần Nhân Tông, vì thế sau này trong bộ *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2, thế kỷ X - thế kỷ XVII, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1962, các soạn giả Đinh Gia Khánh, Bùi Văn Nguyên, Nguyễn Ngọc San đều ghi tác giả bài thơ là Trần Nhân Tông – NCL chú thêm.

⁽⁶⁾ Bài này Thơ văn Lý - Trần, tập 2, quyển thượng ghi nhan đề là *Tặng Bắc sứ Tát Chí Ngỗ, Văn Tử Phương* 贈北使撒只低文子方.

⁽⁷⁾ Trong *Toàn Việt thi lục* chép tên tác giả là Bùi Sùng Hoan 裴崇瓏, *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 2, ghi tên tác giả là Bùi Tông Hoan 裴宗瓏. Chữ 瓏 thường được đọc âm là Quán.

⁽⁸⁾ Chu Tuyết Lan, *Những đóng góp của mảng tư liệu Hán Nôm trên tạp chí Nam Phong*, Tạp chí Hán Nôm, số 1-1992.

⁽⁹⁾ Ngoài thơ văn chữ Hán, tạp chí còn đăng tải một số truyện Nôm khuyết danh như *Tống Trân - Cúc Hoa*.

Những tác phẩm văn học được sáng tác dưới thời Bắc thuộc như *Bạch vân chiếu xuân hải phú* của Khương Công Phụ cũng được dịch và công bố.

Nghiên cứu về các tác giả tác phẩm cũng được tạp chí chú ý như nhiều bài nghiên cứu về tiểu sử Nguyễn Du, về *Truyện Kiều*; khảo cứu về *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều; nghiên cứu một số bài thơ của Trần Khánh Dư, Lê Thánh Tông, Bà huyện Thanh Quan; một số bài bàn về thơ Nôm, câu đối Nôm, khảo sát lối chữ viết thời cổ của dân tộc...

Bên cạnh thơ văn cổ Việt Nam thì có khá nhiều những áng thơ Đường của Trung Quốc cũng được dịch, giới thiệu trên tạp chí.

⁽¹⁰⁾ Như những bức thư của Lê Quýnh (bầy tôi của Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu), những bài biểu của Nguyễn Thiếp tâu lên vua Quang Trung và hai bức thư chữ Hán của Quang Trung mời Nguyễn Thiếp ra giúp nước; bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ...

⁽¹¹⁾ Dương Quảng Hàm, *Việt Nam văn học sử yếu*. Trung tâm Học liệu, Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn, tái bản, 1960, trang 409, 410.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Chu Tuyết Lan. 1992. “Những đóng góp của mảng tư liệu Hán Nôm trên *Tạp chí Nam Phong*”. *Tạp chí Hán Nôm*, số 1.
2. Dương Quảng Hàm. 1960. *Việt Nam văn học sử yếu*. (tái bản) Sài Gòn: Trung tâm Học liệu, Bộ Quốc gia Giáo dục.
3. Đinh Văn Cháp. 1927. “Dịch thơ đời Lý và Trần”. *Nam Phong tạp chí*, tập XX, số 114, Fév, p.146-157.
4. Đinh Văn Cháp. 1927. “Dịch thơ đời Lý và Trần”. *Nam Phong tạp chí*, tập XX, số 115, Mar, p.238-244.
5. Đinh Văn Cháp. 1927. “Dịch thơ đời Lý và Trần”. *Nam Phong tạp chí*, tập XX, số 116, April, p.340-347.
6. <https://sachviet.edu.vn/.../dvd-ebook-tap-chi-nam-phong-tu-1917-1934-quoc-ngu-phap-van-han-van-tron-bo-120-so.3736/>.
7. Nguyễn Khắc Xuyên. 1968. *Mục lục và phân tích Tạp chí Nam Phong*. Sài Gòn: Trung tâm Học liệu, Bộ Quốc gia Giáo dục.
8. Phòng Thông tin-Tư liệu - Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Vũ Thanh Hằng, Nguyễn Thị Hà, Chu Tuyết Lan, Nguyễn Hoàng Quý, Ngô Thị Thành và Đoàn Thị Tuyết biên soạn). *Thư mục các bài viết trên tạp chí Nam Phong có liên quan đến tác giả, tác phẩm Hán Nôm*. Hà Nội. 1989.
9. Viện Văn học. 1977, 1988, 1979. *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 1, Tập 2 Quyển thượng; Tập 3. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.